

Số: **13** /TB-UBND

Vụ Bản, ngày **10** tháng 02 năm 2020

THÔNG BÁO

**Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập năm 2019**

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP Ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 về việc ban hành sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng, công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 28/2017/BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 26/2019-UBND ngày 20/8/2019 của UBND tỉnh Nam Định ban hành Quy định quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức, giáo viên mầm non hợp đồng, lao động hợp đồng trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; người giữ chức danh, chức vụ trong doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước thuộc tỉnh Nam Định;

Thực hiện Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 24/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2019 và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Văn bản số 3125/BGDĐT-NGCBQLG ngày 23/7/2019 về việc tổ chức thăng hạng CDNN giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Văn bản số 1513/SGDĐT-TCCB ngày 29/11/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn minh chứng cụ thể khi xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2019,

Ủy ban nhân dân huyện Vụ Bản thông báo xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập năm 2019 trên địa bàn huyện như sau:

I. CHỈ TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Chỉ tiêu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên

STT	Cấp học	Hạng IV lên hạng III	Hạng III lên hạng II
1	Mầm non	49	20
2	Tiểu học	24	48
3	Trung học cơ sở		48

2. Đối tượng dự xét thăng hạng CDNN giáo viên

2.1. Đối tượng dự xét thăng hạng CDNN giáo viên từ hạng III lên hạng II

- Cán bộ quản lý, giáo viên đã được bổ nhiệm ngạch giáo viên mầm non hạng III, mã số V.07.02.05 đang làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp chức trách, nhiệm vụ của CDNN giáo viên mầm non hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ.

- Cán bộ quản lý, giáo viên đã được bổ nhiệm ngạch giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.08 đang làm việc tại các trường tiểu học công lập có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp chức trách, nhiệm vụ của CDNN giáo viên tiểu học hạng II quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ.

- Cán bộ quản lý, giáo viên đã được bổ nhiệm ngạch giáo viên THCS hạng III mã số V.07.04.12 đang làm việc tại các trường THCS công lập có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp chức trách, nhiệm vụ của CDNN giáo viên THCS hạng II quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ.

2.2. Đối tượng dự xét thăng hạng CDNN giáo viên từ hạng IV lên hạng III

- Cán bộ quản lý, giáo viên đã được bổ nhiệm ngạch Giáo viên mầm non hạng IV, mã số V.07.02.06 đang làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp chức trách, nhiệm vụ của CDNN giáo viên mầm non hạng III quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ..

- Cán bộ quản lý, giáo viên đã được bổ nhiệm ngạch Giáo viên tiểu học hạng IV, mã V.07.03.09 đang làm việc tại các trường tiểu học công lập có khả năng đảm nhiệm hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp chức trách, nhiệm vụ của CDNN giáo viên tiểu học hạng III quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 9 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng

3.1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

Giáo viên dự xét thăng hạng CDNN phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại Điều 3, Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng CDNN giáo viên mầm non, phổ thông công lập, cụ thể:

- Cơ sở giáo dục có nhu cầu về vị trí việc làm của CDNN giáo viên ở hạng đăng ký dự xét và được cấp có thẩm quyền cử tham dự kỳ xét thăng hạng.

- Được cấp có thẩm quyền đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian công tác 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự xét; có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

- Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN ở hạng đăng ký dự xét theo quy định tại các Thông tư liên tịch số 20, 21, 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

3.2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đối với giáo viên mầm non

3.2.1. Thăng hạng lên giáo viên mầm non hạng III (mã số V.07.02.05)

a) Tiêu chuẩn khả năng thực hiện nhiệm vụ

Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của CDNN giáo viên mầm non hạng III:

- Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa tại các lớp bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

- Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn;

- Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học mầm non cấp trường trở lên;

- Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên nếu có.

b) Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng của CDNN Giáo viên mầm non hạng III:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tin học;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tin học;

- Có Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN giáo viên mầm non hạng III.

c) Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

Đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN giáo viên mầm non hạng III:

- Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ về các nội dung sau:

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non;

Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;

- Đã được bổ nhiệm CDNN giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc (mã ngạch 15.115) từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

3.2.2. Thăng hạng lên giáo viên mầm non hạng II (mã số V.07.02.04)

a) Tiêu chuẩn khả năng thực hiện nhiệm vụ

Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của CDNN Giáo viên mầm non hạng II

- Tham gia biên tập hoặc biên soạn nội dung tài liệu bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp huyện trở lên;

- Tham gia bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên cấp trường trở lên;

- Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học Mầm non cấp huyện trở lên;

- Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm từ cấp huyện trở lên.

b) Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng của CDNN giáo viên mầm non hạng II:

- Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trở lên:

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tin học;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tin học;

- Có Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN giáo viên mầm non hạng II.

c) Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

Đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN giáo viên mầm non hạng II:

- Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ về các nội dung sau:

Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

Thực hiện sáng tạo, linh hoạt chương trình giáo dục mầm non; hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục mầm non;

Tích cực chủ động phối hợp có hiệu quả với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi từ cấp huyện trở lên;

- Đã được bổ nhiệm CDNN giáo viên mầm non hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng III hoặc mã ngạch 15a.206 từ đủ 01 (một) năm và thời gian tốt nghiệp đại học sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

3.3. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đối với giáo viên tiểu học

3.3.1. Thăng hạng lên giáo viên tiểu học hạng III (mã số V.07.03.08)

a) Tiêu chuẩn khả năng thực hiện nhiệm vụ

Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của CDNN Giáo viên tiểu học hạng III:

- Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên tiểu học hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới;

- Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp;

- Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ, khối chuyên môn; viết sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp cấp trường trở lên;

- Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học từ cấp trường trở lên;

- Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi;

- Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp trường trở lên.

b) Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng của CDNN giáo viên tiểu học hạng III:

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tin học.

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì phải có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tin học;

- Có Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN Giáo viên tiểu học hạng III.

c) Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

Đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN Giáo viên tiểu học hạng III:

- Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ về các nội dung sau:

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học;

Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học;

Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

- Được công nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

- Đã được bổ nhiệm CDNN giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV hoặc mã ngạch 15.114 từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trước khi xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

3.3.2. Thăng hạng lên giáo viên tiểu học hạng II (mã số V.07.03.07)

a) Tiêu chuẩn khả năng thực hiện nhiệm vụ

Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của CDNN Giáo viên tiểu học hạng II:

- Tham gia biên tập, biên soạn, phát triển chương trình, tài liệu bồi dưỡng giáo viên, học sinh tiểu học;

- Chủ trì các hoạt động bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề của nhà trường hoặc tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp từ cấp huyện trở lên;

- Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên tiểu học từ cấp huyện trở lên;

- Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp huyện trở lên;

- Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp huyện trở lên.

b) Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng của CDNN Giáo viên tiểu học hạng II:

- Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm tiểu học hoặc đại học sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy;

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tin học.

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì phải có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tin học;

- Có Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN Giáo viên tiểu học hạng II.

c) Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

Đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN Giáo viên tiểu học hạng II:

- Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ về các nội dung sau:

Chủ động tuyên truyền và vận động đồng nghiệp thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

Hướng dẫn được đồng nghiệp thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục tiểu học;

Vận dụng sáng tạo và đánh giá được việc vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học của đồng nghiệp;

Chủ động, tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

Tích cực vận dụng và có khả năng phổ biến sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng từ cấp huyện trở lên;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

- Đã được bổ nhiệm CDNN giáo viên tiểu học hạng III hoặc tương đương từ đủ 6 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng III hoặc ngạch 15a.204 từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên.

3.4. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đối với giáo viên dự xét thăng hạng giáo viên trung học cơ sở hạng II (mã số V.07.04.11)

a) Tiêu chuẩn khả năng thực hiện nhiệm vụ

Có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí công tác phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của CDNN Giáo viên trung học cơ sở hạng II:

- Làm báo cáo viên hoặc kế hoạch bài giảng minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới;
- Hướng dẫn sinh viên thực hành sự phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp khi được phân công;
- Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ chuyên môn;
- Tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng của đồng nghiệp từ cấp trường trở lên;
- Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên trung học cơ sở cấp trường trở lên;
- Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;
- Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh trung học cơ sở từ cấp trường trở lên.

b) Tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng

Đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng của CDNN Giáo viên trung học cơ sở hạng II:

- Có bằng tốt nghiệp đại học sự phạm hoặc bằng tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy kèm theo chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sự phạm đối với giáo viên trung học cơ sở;
- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tin học.

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì phải có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tin học.

- Có Chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn CDNN Giáo viên trung học cơ sở hạng II.

c) Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

Đảm bảo các yêu cầu về tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của CDNN Giáo viên trung học cơ sở hạng II:

- Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ về các nội dung sau:

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở;

Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình, giáo dục trung học cơ sở;

Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học cơ sở;

Vận dụng tốt những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp học sinh trung học cơ sở;

Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học cơ sở;

Có khả năng vận dụng hiệu quả, đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp viết sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

Có khả năng đánh giá sản phẩm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của học sinh trung học cơ sở;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

- Đã được bổ nhiệm CDNN giáo viên trung học cơ sở hạng III (mã số V.07.04.12) hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian giữ hạng CDNN Giáo viên trung học cơ sở hạng III hoặc mã ngạch 15a202 từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc đại học các chuyên ngành khác phù hợp với bộ môn giảng dạy từ đủ 01 (một) năm trở lên.

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng CDNN giáo viên của cá nhân gồm có

a) Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo mẫu M1);

b) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, có dán ảnh màu cỡ 4cm x 6cm (ảnh chụp trong thời gian 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ), có xác nhận của thủ trưởng đơn vị.

c) Bản nhận xét, đánh giá của thủ trưởng đơn vị trong thời gian 03 năm liên tục tính đến thời điểm nộp hồ sơ, trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại hàng năm của 03 năm gần nhất, không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan đơn vị có thẩm quyền (theo mẫu M2);

d) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ (có công chứng hoặc nhà trường xác nhận đã đối chiếu với bản chính) để minh chứng cho điều kiện về tiêu chuẩn đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu của CDNN giáo viên đề nghị thăng hạng;

e) Bản nhận xét của đại diện lãnh đạo nhà trường, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể nhà trường kèm theo các minh chứng dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của CDNN đề nghị thăng hạng (theo mẫu M3);

g) Biên bản ghi ý kiến của đại diện Lãnh đạo nhà trường, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể nhà trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí kèm theo các minh chứng về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn nghiệp vụ của CDNN giáo viên đề nghị thăng hạng (mẫu M4);

h) Bản sao các danh hiệu thi đua các cấp và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm hồ sơ, điểm tăng thêm theo quy định tại Phụ lục đính kèm Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

i) Bản sao các quyết định: Quyết định tuyển dụng viên chức, Quyết định hết tập sự, Quyết định chuyển loại, xếp lương vào ngạch giáo viên tương đương với hạng CDNN hiện giữ (để tính thời gian giữ hạng và tương đương) Quyết định bổ nhiệm và xếp lương CDNN giáo viên; Quyết định nâng bậc lương cuối cùng tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

Lưu ý:

1) Nếu người đứng đầu cơ sở giáo dục công lập là hiệu trưởng dự xét thăng hạng CDNN giáo viên, các văn bản trong hồ sơ cá nhân do cơ quan quản lý cấp trên là Phòng Giáo dục và Đào tạo xác nhận;

2) Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được xếp theo đúng thứ tự kê trên và bỏ vào túi đựng hồ sơ có kích thước 250x340x5mm. Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, ứng viên có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu. Các công trình khoa học, bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích của cơ quan, tổ chức hoặc công dân có liên quan đến nội dung bí mật nhà nước, bí mật thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh phải được bảo vệ theo quy định của pháp luật và thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

3) Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thăng hạng CDNN giáo viên chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử đi dự thăng hạng CDNN giáo viên.

4) Mốc thời điểm hết hạn nộp hồ sơ 17 giờ ngày **31/3/2020** là căn cứ để tính thời gian công tác giữ chức danh giáo viên hạng IV, III hoặc tương đương, thời gian giữ hạng CDNN giáo viên hiện có, thời gian tốt nghiệp cao đẳng, đại học trước khi xét thăng hạng CDNN giáo viên.

2. Về chứng chỉ tin học, ngoại ngữ

2.1. Chứng chỉ tin học

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

- Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản.

- Trường hợp giáo viên đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học ngành ghép 02 môn có môn Tin học (VD: Toán -Tin, Lý -Tin) thì được coi là đã tốt nghiệp từ trung cấp ngành Tin học hoặc Công nghệ thông tin trở lên.

2.2. Chứng chỉ ngoại ngữ

- Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương thực hiện theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tin học;

- Trình độ B trở lên theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình Tiếng Anh thực hành, trình độ B trở lên theo Quyết định số 30/2008/QĐ-BGDĐT ngày 06/06/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, kiểm tra và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học theo chương trình giáo dục thường xuyên và trình độ A2 trở lên theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành tương đương bậc 2 của Khung 6 bậc theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ).

- Các chứng chỉ ngoại ngữ TOEFL, IELTS hoặc TOEIC... được quy chuẩn trình độ tương đương có giá trị thay thế theo các văn bản quy định hiện hành do các tổ chức khảo thí nước ngoài tổ chức thi và cấp, được công nhận và còn thời hạn sử dụng (theo Công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03/8/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ tin học).

- Có văn bằng thứ hai về ngoại ngữ từ trình độ cao đẳng trở lên;

- Có bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập bằng tiếng nước ngoài.

III. CÁC NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III

Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III của mỗi cấp học.

2. Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III lên hạng II

2.1. Xét thăng lên hạng giáo viên trung học cơ sở hạng II

Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Giáo viên trung học cơ sở hạng II.

2.2. Xét thăng lên hạng giáo viên tiểu học hạng II, giáo viên mầm non hạng II

Thông qua việc xét, chấm điểm hồ sơ và sát hạch theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng II của mỗi cấp học.

a) Điều kiện tham gia sát hạch

Giáo viên có điểm hồ sơ đạt 100 điểm thì được tham gia sát hạch. Những giáo viên không được tham gia sát hạch được thông báo không đủ điều kiện để tiếp tục xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b) Nội dung và hình thức sát hạch

- Nội dung: Nhiệm vụ của nhà giáo quy định tại tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học, mầm non hạng II;
- Hình thức: Trắc nghiệm trên giấy;
- Thời gian: 45 phút.

3. Trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học

- Giáo viên tính đến ngày 31/12/2019, có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ thì được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng CDNN giáo viên.
- Trong trường hợp giáo viên thuộc diện miễn xét ngoại ngữ và tin học nêu trên có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

IV. CÁCH TÍNH ĐIỂM TRONG XÉT THĂNG HẠNG VÀ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Cách tính điểm trong xét thăng hạng

1.1. Cách tính điểm hồ sơ xét thăng hạng

Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

a) Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể

- Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: **5,0** điểm;
- Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: **20** điểm;
- Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: **75** điểm.

b) Điểm tăng thêm

- Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau:
 - + Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng;
 - + Có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên;
 - + Giấy chứng nhận chiến sỹ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng;
 - + Giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức);
 - + Giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế;
 - + Giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế;

- Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá **5,0** điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

- Đối với những trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học quy định tại Điều 9 Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm.

1.2. Quy định về cách tính điểm sát hạch

- Điểm sát hạch chấm theo thang điểm 20, không làm tròn số khi cộng điểm.

- Hội đồng xét quy định điểm cụ thể đối với mỗi câu hỏi ở nội dung sát hạch.

2. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả

a) Người được xác định trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây

- Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;

- Đối với trường hợp xét hồ sơ: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên (trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Đối với trường hợp xét hồ sơ và sát hạch: Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ 100 điểm trở lên (trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và điểm sát hạch phải đạt tối thiểu 10 điểm.

b) Thông báo kết quả

Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở được thông báo tới cá nhân, đơn vị tham dự kỳ xét chậm nhất sau 15 ngày làm việc, tính từ thời điểm hoàn thành kỳ xét thăng hạng.

c) Không bảo lưu kết quả xét thăng hạng

Người được xác định không trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

3. Phúc khảo và giải quyết khiếu nại, tố cáo

Thực hiện theo Điều 5 tại Quy chế xét thăng hạng ban hành kèm theo Thông tư số 29/2017/TT-BGDĐT ngày 30/11/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

V. LỆ PHÍ XÉT THĂNG HẠNG

1. Kinh phí tổ chức kì xét thăng hạng lấy từ nguồn thu lệ phí thăng hạng theo quy định và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có); trường hợp còn thiếu thì được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách sự nghiệp giáo dục và đào tạo của huyện.

2. Lệ phí xét thăng hạng đối với mỗi giáo viên dự xét được thu theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức, cụ thể như sau:

STT	Cấp học	Hạng IV lên hạng III	Hạng III lên hạng II	Lệ phí phúc khảo
1	Mầm non	700.000đ	700.000đ	150.000đ
2	Tiểu học	700.000đ	700.000đ	
3	Trung học cơ sở		700.000đ	

VI. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN

1. Tiếp nhận hồ sơ dự xét thăng hạng và lệ phí dự xét tại Trung tâm Giao dịch hành chính "Một cửa" huyện Vụ Bản (trụ sở UBND huyện Vụ Bản, địa chỉ thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định) từ ngày 25/3/2020 đến ngày 31/03/2020.

2. Tổ chức kiểm tra, sát hạch đối với xét thăng hạng CDNN giáo viên Mầm non, giáo viên Tiểu học hạng II: Dự kiến từ ngày 16 đến ngày 17 tháng 5 năm 2020, tại địa điểm Trường Trung học cơ sở Trần Huy Liệu (có thông báo thời gian cụ thể sau).

3. Thông báo kết quả viên chức được thăng hạng CDNN: Cuối tháng 5 năm 2020.

Trên đây là Thông báo xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập huyện Vụ Bản năm 2019, trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về UBND huyện (qua phòng Giáo dục và Đào tạo) để xem xét, giải quyết. /

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ; Sở GD&ĐT;
- TT Huyện ủy, UBND huyện; (để báo cáo)
- VP HU-HĐND-UBND huyện;
- Phòng GD&ĐT, Ban TC-NV;
- Phòng TC-KH huyện;
- Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao;
- Cổng thông tin điện tử;
- Trung tâm Giao dịch HC "Một cửa" UBND huyện;
- Các trường MN, TH, THCS công lập;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Xung